### **Mẫu 2.1**

**MẪU KẾ HOẠCH 5 NĂM VÀ BÁO CÁO THỰC HIỆN KẾ HOẠCH 5 NĂM VỀ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ CỦA CƠ SỞ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TRỌNG ĐIỂM**

*(Dùng cho cơ sở hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, cơ sở chế biến, gia công sản phẩm trong nông nghiệp)*

**KẾ HOẠCH 5 NĂM**

**VỀ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ**

«BC\_Title» báo cáo kế hoạch 5 năm «BC\_NamBD» đến «BC\_NamKT»

Ngày lập báo cáo: «BC\_NgayLap»

Mã số ID: «BC\_MaDN»

|  |  |
| --- | --- |
| Ngày tháng năm nhận báo cáo (kể cả các lần bổ sung hồ sơ báo cáo) | [Dành cho Sở Công Thương ghi] |
| Ngày tháng năm xử lý, phê duyệt báo cáo | [Dành cho Sở Công Thương ghi] |

Phân ngành: «BC\_PhanNganh»

Tên cơ sở: «BC\_TenCoSo»

Mã số thuế: «BC\_TaxCode»

Điạ chỉ: «BC\_DiaChi» Huyện: «BC\_Huyen» Tỉnh «BC\_Tinh»

Người chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo: «BC\_ChiuTrachNhiem»

Điện thoại: «BC\_DienThoai» Fax: «BC\_Fax», Email: «BC\_Email»

Trực thuộc (tên công ty mẹ): «BC\_TenCtyMe»

Điạ chỉ: «BC\_DiaChiP» Huyện: «BC\_HuyenP» Tỉnh: «BC\_TinhP»

Điện thoại: «BC\_DienThoaiP» Fax: «BC\_FaxP», Email: «BC\_EmailP»

Chủ sở hữu: «BC\_Owner»

**I. Thông tin về cơ sở và** **sản phẩm**

**1.1 Năng lực sản xuất của cơ sở**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| (chọn đơn vị đo phù hợp với loại sản phẩm là tấn/năm; m/năm; m2/năm; m3/giờ v.v…) | | | |
| **Năng lực SX**  **Tên sản phẩm** | **Đơn vị đo** | **Theo thiết kế** | **Mức sản xuất hiện tại** |
| «TableStart:tbl1»«ProductName» | «Measurement» | «DesignQuantity» | «MaxQuantity»«TableEnd:tbl1» |

**1.2. Kết quả thực hiện kế hoạch** *(Tổng hợp từ báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch hằng năm chuyển qua)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| «TableStart:tbl5»«Year» | «Nam1» | «Nam2» | «Nam3» | «Nam4» | «Nam5»«TableEnd:tbl5» |

**II. Kế hoạch, mục tiêu tiết kiệm và sử dụng hiệu quả năng lượng trong 5 năm tới**

**2.1. Các giải pháp và dự kiến kết quả**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Giải pháp TKNL  dự kiến áp  dụng | Năm bắt đầu | Năm kết thúc | Mục tiêu tiết kiệm, sử dụng hiệu quả NL | | | | | |
| Loại nhiên  liệu | Mô tả giải  pháp | Mức TKNL  dự kiến đạt được | Dự kiến chi phí  *(Tr. đồng)* | Hoàn vốn  *(năm)* | Mức cam kết  và khả năng thực hiện (2) |
| «TableStart:tbl3»«TenGiaiPhap» | «NamBatDau» | «NamKetThuc» | «FuelName» | «MucTieuGP» | Mức TK: «MucTietKiemDuKien» *(«MeasurementName»)*  Tương đương (1) «TuongDuong» %  Thành tiền «ThanhTien» tr.đ  Lợi ích khác: «LoiIchKhac» | «ChiPhiDuKien» | «HoanVon» | Cam kết: «MucCamKet»  Khả năng: «KhaNangThucHien»«TableEnd:tbl3» |

*Ghi chú:* (1) So với mục đích sử dụng (ví dụ chiếu sáng, điều hòa nhiệt độ, phụ tải cho thiết bị chuyển động, v.v…), không so với tổng năng lượng sử dụng.

(2) Cho biết khả năng thực hiện (ví dụ: từ 0 đến 100%); mức đảm bảo (thấp, trung bình, cao).

***Cam kết***

Được sự ủy quyền của Giám đốc Công ty «BC\_TenCoSoX» về việc dự thảo và báo cáo kế hoạch năm về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả năm «BC\_NamBD1» của «BC\_TenCoSo1», tôi cam kết đã kiểm tra kỹ các dữ liệu trong báo cáo, đảm bảo các dữ liệu là chính xác theo hiểu biết của bản thân tôi và xin chịu trách nhiệm về các dữ liệu đã báo cáo.

*Ngày báo cáo «BC\_NgayBC»*

|  |  |
| --- | --- |
| **Người lập kế hoạch** | **Người đứng đầu cơ sở duyệt** |